

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

TIẾNG ANH LỚP 3

Global Success · Kết nối tri thức · Bộ 1 · 35 phút nghe/đọc/viết · Nói riêng 3–5 phút

Trọng tâm Unit 11–15: gia đình, nghề nghiệp, các phòng, đồ dùng và bữa ăn.

Họ và tên: Lớp:

Bộ ôn tập tự biên soạn, thang 10 điểm. Người lớn đọc mỗi lời nghe hai lần, nghỉ khoảng 5 giây; phần nói làm riêng 3–5 phút. Hướng dẫn tiếng Việt có thể đọc giúp học sinh.

I. LISTENING · Nghe

Câu 1 (0,5 điểm). How old is the sister?

- A. eleven B. twelve C. thirteen

Câu 2 (0,5 điểm). What is his job?

- A. driver B. nurse C. teacher

Câu 3 (0,5 điểm). How many windows are there?

- A. one B. two C. three

Câu 4 (0,5 điểm). What does the speaker want?

- A. milk B. juice C. water

II. READING · Đọc

Câu 5 (0,5 điểm). There _____ two chairs in the room.

- A. is B. are C. am

Câu 6 (0,5 điểm). Would you like some rice? — _____.

- A. Yes, please B. I'm twelve C. It's here

Read the text. Đọc đoạn văn để làm câu 7–9.

My name is Vy. This is my family. My father is a driver. My mother is a nurse. My brother is twelve years old. This is my bedroom. There is one bed and one desk in the room. The desk is small. The bed is big.

Ngữ liệu mới do bộ đề biên soạn.

Câu 7 (0,5 điểm). What is Vy's mother's job?

A. Teacher

B. Nurse

C. Driver

Câu 8 (0,5 điểm). What is the desk like?

A. Big

B. Old

C. Small

Câu 9 (1 điểm). Read and answer.

a) How old is Vy's brother?

b) How many beds are in the room?

III. WRITING · Viết

Câu 10 (1 điểm). Reorder the words. Sắp xếp thành câu:

a) a nurse. / My mother / is

b) two windows. / There / are

Câu 11 (2 điểm). Write about a room. Viết 2–3 câu nói trong phòng của em có gì và một đồ vật to hay nhỏ.

IV. SPEAKING · Nói

Câu 12 (2 điểm). Talk about food and drinks. Trả lời người lớn về món em muốn ăn và đồ uống em muốn dùng.